

TÍN NGƯỠNG VIỆT NAM

Một Góc Nhìn Về Lịch Sử Minh Triết Việt Tộc

PHẦN THỨ NHẤT

I) UỐNG NƯỚC NHỚ NGUỒN

Khái Quát Lịch Sử Tín Ngưỡng Cổ Đại Việt Tộc



Nước Việt Nam ta trải qua gần 5.000 năm (2.879 Tr.TL-) là quốc gia có lịch sử sản sinh và chứa đựng, hứng chịu và bao dung, dưỡng dục và tha thứ, hiếu sinh và hiếu hoà, thâm thái và sáng tạo tất cả những nền tảng và tinh hoa, chia sẻ hầu hết những thăng trầm và tiến hoá của cả hai nền văn minh, văn hoá Đông, Tây kim cổ để trưởng thành , trường tồn , tân tiến hoá và đang tiếp tục hoá giải những biến cố lịch sử liên tục từ cuối thế kỷ XVIII đến hiện đại để phát huy bản sắc văn hoá tâm linh nhân bản của dân tộc, thể hiện truyền thống tinh thần tự chủ bất khuất ngoại xâm của Việt tộc.

Mỗi dân tộc đều có đời sống tâm linh , huyền thoại và tín ngưỡng đặc thù.

Ấn độ có Bà la môn giáo, Thích Ca Mâu ni Phật, có huyền thoại Long Vương, Thiên thần, Diêm phù, Diêm phủ. Hoa tộc có Khổng thuyết thiên mệnh, thần tiên, Ngọc Hoàng, đã trở thành bá quyền, bành trướng từ đời nhà Hán. Nhật Bản có Thái dương thần nữ, Hiệp sĩ đạo. Các nước Âu Mỹ có Do Thái giáo, Thiên chúa giáo (thờ Jehovah là Cha, Jesus Christ là con và các Thiên thần). Ngoài ra còn thờ Thần Mặt Trời, Tin lành giáo, Vô thần giáo. Các dân tộc Phi châu, Trung Đông có Hồi giáo... v...v...

Dân tộc Việt nam ta có tín ngưỡng thờ kính Quốc tổ Hùng Vương, thờ kính Cha Mẹ Ông Bà Tổ Tiên , thờ kính Nhân Thần và huyền thoại Tiên Rồng.

Tín ngưỡng Việt coi huyền thoại Tiên Rồng là căn bản của đời sống tâm linh, tâm thức, trí lực và trí tuệ của nền tảng tín ngưỡng và tinh thần dựng nước giữ nước, tự chủ bất khuất ngoại xâm của dân tộc Việt nam.

Huyền thoại Tiên Rồng còn là nhân tố quan trọng thuộc bản sắc văn hoá tâm linh nhân bản, đoàn kết dân tộc , tương thân, tương ái ...vvv...trong lịch sử Minh Triết Việt.

Gần 3.000 năm tr.TL và 300 năm trước Khổng thuyết, Phật triết du nhập, Việt tộc đã có tín ngưỡng và giáo lý thờ kính Quốc Tổ, thờ kính Cha Mẹ, Ông Bà Tổ Tiên, thờ kính Nhân Thần và huyền thoại Tiên Rồng.

Tín ngưỡng và phong hoá Việt gần 5.000 năm qua thể hiện là dân tộc hiền lương, ôn hoà và tương đối hùng mạnh, có tinh thần truyền thống tự chủ, bất khuất ngoại xâm, được sự đồng cảm của các lân bang Đông Nam Á và sự thiện cảm của các quốc gia Bắc Á và Đông Á yêu chuộng hoà bình.

Những di tích tâm linh tín ngưỡng , những đồ án kiến trúc đại quy mô, trạm khắc hoa văn tinh kỳ xây cất Đền, Đình, Chùa Lãng, Miếu, nhà cửa trang nghiêm , hoành tráng với những thắng cảnh hội tụ núi sông hùng vĩ, nhiều loại kỳ hoa dị thảo hương sắc muôn màu được tạo dựng trên khắp mọi miền Bắc, Trung, Nam ; những cổ vật thần kỳ được sáng chế, kiến tạo từ hàng vài ngàn năm về trước hiện vẫn được dân chúng tự bảo tồn , lưu hành trong nhân dân toàn quốc; những công kỹ nghệ cổ truyền cực kỳ tinh xảo quốc dân vẫn tự túc duy trì , tiếp tục chế tạo, sản xuất lưu truyền ; những giáo lý và truyền thuyết hiếu hạnh, công đức kính bang tế thế của các Nhân Thần Việt do quốc dân tôn kính lưu truyền từ hàng vài nghìn năm về trước vẫn do nhân dân tự chủ xưng danh, hàng năm cúng tế; những Hội hè đình đám , những y phục, lễ phục màu sắc , hoa văn trang sức lộng lẫy của 54 sắc tộc (trung châu, Cao nguyên, duyên hải), vẫn do dân chúng tự động cúng tế hàng năm với những phong tục tập quán thuần lương, những dân Ca, Vũ Nhạc, Võ thuật, những nghi thức, lễ vật cúng tế, những trò chơi dân gian đặc thù của hàng chục ngàn Xã Thôn Buôn, Sóc trong 54 sắc tộc sáng tạo..vv..vv...biểu trưng sắc thái văn minh văn hoá Việt từ cổ đại lưu truyền, trường tồn đến hiện đại.

Còn rất nhiều di tích, di sản văn hoá, học thuật cổ truyền của dân tộc, ẩn tàng trong quốc dân và vẫn do quốc dân tự ý, tự chủ ứng dụng, vận dụng thích nghi , lưu truyền trong quốc dân để trường tồn, trước mọi thử thách đầy gian lao do biến cố lịch sử ngoại kháng, nội tranh.

Dân Việt từng khắc phục nhiều khó khăn, thâm thái , hòa đồng, Việt hoá nhiều học thuyết Đông Tây, cảnh giác và vượt qua nhiều loại tín ngưỡng ngoại nhập giả dối , lừa phỉnh nhằm thao túng nội chính khuynh loát tinh thần tự chủ Việt tộc.

Căn cứ những chứng tích lịch sử vừa nêu trên vẫn trường tồn ở hiện đại, thì Tín ngưỡng Việt tộc từ gần năm ngàn năm qua, tân tiến hoá, lưu truyền đến đầu thế kỷ XXI , đại thể hiện còn lại:

Ba giáo lý Công đồng, Bốn linh ứng Phủ, bốn đức hạnh Nhân Thần, hai Thiên Tông ứng dụng giữ nước ở thế kỷ XI và XIII : Thiên Thảo Đường Đại Việt và Thiên Trúc Lâm , Yên Tử sơn, hai tôn giáo bảo tồn tín ngưỡng dân tộc : võ trang tự vệ , bất khuất bạo quyền ở nửa đầu thế kỷ XX : Phật giáo Hòa Hảo bảo tồn tín ngưỡng tâm linh nhân bản dân tộc, võ trang chống Pháp. Cao Đài Tam kỳ Phổ độ , hiệp thông tôn giáo Đông Tây kim cổ và ứng dụng tư tưởng khoa học theo gương Nhật Bản, Á Đông của người Á Đông.

A) Ba Giáo Lý Công Đồng (đại thể là : Trời, Đất, Nước, Biển)

1) Trời : nhận thức về nhân sinh , chiêm nghiệm thời tiết 4 mùa tuần hoàn thay đổi. Các hiện tượng biến động trong thiên nhiên : mưa nắng, sấm chớp, nóng lạnh, giông gió, bão, lụt, các dáng trời, các sắc mây thay đổi, thảo mộc, vạn vật biến động, sinh hoá ..v..v.. ẩn tàng trong ca dao, thành ngữ, tục ngữ, phương ngữ, truyền khẩu trường tồn trong văn hoá tâm linh nhân bản Việt tộc.

Tục ngữ Việt nói : Không có trời ai ở với ai !

Vậy, Trời là gì ?

Tâm linh Việt tộc coi Trời là linh khí, linh tính, linh quang, sinh khí, là quyền lực vô hình khuyến thiện , là trọng tài của sự thịnh suy , mưa thuận gió hòa và cuộc sống vạn vật .

Quốc Tổ Hùng Vương, Tổ Tiên, Ông Bà, Cha Mẹ đối với dân tộc và con cháu được toàn dân Việt ví như có tánh linh và công đức siêu việt chi phối thịnh suy của quốc dân và con cháu, giống nòi như Trời đối với vạn sinh vật.

Trong kho tàng Ca dao, tục ngữ Việt tộc không thấy có Thần quyền hóa Ông Trời. Nếu nhân cách hoá Trời cũng chỉ nhằm khuyến thiện, không có tính cách tôn giáo.

Về Vũ trụ quan , được tiêu biểu qua huyền thoại Rồng Tiên.

Trên không trung bao la vô cùng vô tận . người Việt gọi là Trời.

Dưới Trời rộng mông mênh bát ngát, người Việt gọi là Đất.

Rồng là linh vật trên Không , là dương tính, dương khí, tiêu biểu sự siêu việt của tự nhiên, tượng trưng cho Trời.

Tiên là **Núi, Sông, Rừng**, còn, bãi, đất, ruộng, khí hậu âm lạnh , là âm tính, khí âm, tượng trưng cho Đất.

Trời Đất giao tiếp, hoà hợp sinh thành vạn vật.

Rồng (dương – Cha) Lạc Long Quân , Tiên (âm – Mẹ) Âu Cơ hoà hợp sanh ra con cháu nòi giống Việt, nguồn gốc của Tín ngưỡng Thờ kính Quốc Tổ Hùng Vương, Cha Mẹ, Ông Bà, Tổ Tiên, tôn kính Nhân Thần.

2) **Đất** là núi, rừng, hải đảo, tài nguyên thiên nhiên, sản vật trên không, trên mặt đất, dưới lòng đất và sức lao tác là nguồn sống chính của dân tộc Việt, hoà hợp với Trời, thuận theo thời tiết, bốn mùa thay đổi, canh tác nông nghiệp, phát triển công kỹ nghệ, sinh trưởng, khuyếch trương, liên tục tân tiến hoá, trường tồn.

Dân Việt tri ân những Anh Hùng Dân Tộc dựng nước, mở mang bờ cõi, giữ nước, giúp dân chế biến, sáng tạo, tiện nghi ..v.v.. được nhân dân báo ân bằng sự tôn kính xưng danh là Nhân Thần, lập Đền thờ trên quang cảnh đất oai linh hùng vĩ, hằng năm cúng tế.

3) **Nước và Biển Đông** mênh mông, sông dài, lớn rộng. Dân Việt ở trung châu và duyên hải hoà đồng sinh sống với muôn loài thủy sản.

B) Bốn Linh Ứng Phủ là Đền, Đình, Miếu Tù với giáo lý 4 Đức Hạnh

Bốn Linh Ứng Phủ là :

1- **Đền** là nơi thờ kính các bậc hiền linh ảnh hưởng đến toàn dân toàn quốc. Ví dụ: Đền thờ Quốc Tổ Hùng Vương, **Đền thờ** Hai Bà Trưng, **Đền thờ** Bà Triệu, **Đền thờ** Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn ..v.v..

2- **Đình** là nơi thờ Thần Hoàng của dân chúng địa phương

3- **Miếu** là nơi tôn kính các cá nhân đặc biệt được dân chúng ngưỡng mộ. Ví dụ **Văn Miếu** thờ Khổng Tử.

4- **Từ** là nhà thờ (**Từ đường**) nơi thờ kính **Ông Bà Tổ Tiên**.

Từ đường cũng có hoành phi, câu đối, hương án, lư hương chân đèn Con cháu tự do kiến trúc, trang trí tùy duyên, tùy cảnh, tùy trí lực Một số lớn dân chúng Việt đồng hoá giáo lý Phật Thích Ca với phong hoá và gia tiên. Vì thế Từ đường, có nơi đặt thờ kính thêm hình tượng Phật...

Ngoài từ đường riêng của gia đình, dòng họ, dân chúng Làng, Xã Việt thường tự động hợp sức, cộng đồng xây dựng Đình Chùa, Đền, Miếu chung.

Dân tộc Việt còn chấp nhận và trợ giúp xây dựng cơ sở và cho tự do truyền bá giáo lý Phật, Khổng Lão. Ví dụ : Phật có Phật Tự như Thập phương **Cổ Tự**, Phước Điền **Tự**. Lão giáo có **Đạo Quán**. (thờ Thái thượng Lão quân) Ví dụ : Trần Vũ **Đạo quán**, Bích Câu Đạo quán thờ Tú Uyên và Hà Giáng Kiều. **Phủ** thờ các Vương mẫu...vvv...1. Thiên Thảo Đường Đại Việt thế kỷ XI

Bốn Đức Hạnh là :

1 **Thiên Vương**, là đức hạnh dũng cảm, thanh cao của các bậc anh hùng dân tộc, giúp nước, cứu dân, không màng danh lợi, không tham quyền cố vị, công thành thân thoái do dân tộc tôn kính xưng danh là **Thiên Vương**, lập Đền thờ, hằng năm dâng hương cúng tế. Ví dụ **Đức Phù Đổng Thiên Vương**.

2- **Tiên** là đức hiếu hạnh và hành động của những bậc chân nhân hoá thân cứu nhân độ thế. Ví dụ **Tản Viên** dùng gậy thần sách ước cứu người. **Chữ Đồng Tử** là đức hiếu hạnh của người con chí hiếu, chồng của Tiên Dung công chúa, con gái Vua Hùng Vương 18.

3- **Thánh** là đức hiếu hạnh do dân chúng Việt tôn kính xưng danh những anh hùng dân tộc **hiển linh diệt trừ tà ma, yêu quái**, giúp dân, giúp nước. Ví dụ : **Bố Cái Đại Vương Phùng Hưng** hiển linh giúp Nguyên soái Triệu quang Phục đánh bại giặc Trung quốc xâm lăng Trần Bá Tiên ở Đầm Dạ Trạch. **Hưng Đạo vương Trần quốc Tuấn hiển thánh** diệt trừ yêu quái Phạm Nhan nguyên là Đại Tướng giặc Nguyên xâm lăng, tử trận ở Việt Nam biến thành yêu quái sát hại thai nhi và sản phụ Đại Việt.

4- **Thần** là đức hiếu hạnh do **dân chúng địa phương** tôn kính xưng danh những người dân địa phương có công lập Làng, Xã, mở mang bờ cõi, làm vẻ vang danh tiếng Làng, Xã, Buôn , Sóc, được dân chúng địa phương tôn thờ là **Thần hoàng** . Ví dụ : các tướng lãnh của Hai Bà Trưng Bà Triệu đều được dân chúng sinh quán tôn thờ là **Thần Hoàng** của dân làng, hằng năm cúng tế.

C) Hai Thiên Tông (ứng dụng Phật Pháp) Phát Huy Tâm Linh Dân Tộc, Giữ Nước.

1. Thiên Thảo Đường Đại Việt thế kỷ XI

Theo truyền thuyết, các thương gia người Hy Lạp đem hình tượng đức Phật Thích Ca vào Đô thị của Tiên Dung công chúa, cuối đời Vua Hùng Vương 18 trao đổi hàng hoá. Kế đó là thương gia , cư sĩ Phật người Ấn vào nước ta buôn bán, sinh cơ lập nghiệp , phổ biến sự tích và giáo pháp của Đức Phật Thích Ca vào thế kỷ trước Tây lịch.

Đến thế kỷ III TL. Khương tăng Hội người Việt được Ngô tôn Quyền cung thỉnh làm lễ quy y cho Hoàng Thái hậu nước Ngô Trung quốc.

Thế kỷ VI, Vua Tiền Lý Nam Đế sùng kính giáo lý Phật Thích Ca. Thiên sư Đà Ni Lưu Chi (Vanitaruci) người Ấn được phép lập Chùa thờ Phật Thích Ca ở nước ta.

Từ thế kỷ IX đến thế kỷ XIII nhiều Thiên sư Việt trở thành Quốc sư nhà Đinh, nhà Lý công Uẩn và Triều đại Minh Tông nhà Trần.

Thế kỷ XI, sau khi dẹp yên giặc biên thùý phía nam quấy phá dân vùng biên giới, Vua Lý Thánh Tông thu thái những tinh hoa giáo lý Thiên ngoại nhập gồm Thiên Đà Ni lưu chi (hội nhập Đại Việt thế kỷ VI), Vô ngôn Thông (người Hoa Hạ) hội nhập Đại Việt thế kỷ IX và Thiên Thiên Trúc (thế kỷ XI), đồng thời nhà Vua tham khảo Khổng thuyết , Lão giáo và bản sắc văn hoá dân tộc, lập ra Thiên tông Thảo Đường Đại Việt thế kỷ XI, thực hiện hai chủ trương căn bản :

a/ Giáo dục toàn dân Đại Việt phát huy bản sắc tâm linh nhân bản dân tộc, hiếu sinh hiếu hòa, bao dung tha thứ, không giết hại kẻ thù sau chiến thắng. Tuy sống khác quốc thổ, nhưng dân chúng các quốc gia đều là chúng sinh bình đẳng, vô tội trong chiến tranh.

b/ Toàn dân phải cảnh giác cao độ ngoại cường (giặc nhà Tống Trung quốc) xâm lăng. Công dân 18 tuổi trở lên phải luân phiên **Đi Phen**, nghĩa là vừa canh tác nông nghiệp sản xuất hoa màu, lương thực, vừa học tập binh thư, chiến pháp, thao luyện tác chiến. Đó là chính sách Quốc phòng, **ngụ binh ư nông dân** (gửi lính trong nông dân).

Vua Tống rất sợ binh pháp ‘Ngụ binh ư nông dân’ của Vua Lý Thánh Tông. Lính là dân, dân là lính. Quân dân Đại Việt sẵn sàng ứng chiến tự vệ trước mọi tình huống bị cường lân uy hiếp quân sự, gây hấn chiến tranh.

2) Thiên Trúc Lâm Yên Tử Sơn Đại Việt thế kỷ XIII

Thế kỷ XII, cuối đời nhà Lý, cả ba phái Không Lão Phật đều trải qua một giai đoạn Suy Vĩ, vì vào thời này, không còn bao nhiêu bậc Chân Tu, Hiền Nhân, Quân Tử nữa, mà đa số là những thành phần phạm tục lợi dụng cửa Chùa hoặc cửa Quan để được yên thân hoặc để mưu cầu danh lợi.

Cùng thời điểm này, tam giáo Phật Không Lão ở Trung Quốc khuynh loát tàn sát lẫn nhau. Tướng lãnh cát cứ xưng vương. Trung Quốc đại loạn, bị Mông Cổ chinh phục

Năm Ất Dậu 1225, nhà Trần thay ngôi nhà Lý, vẫn duy trì đường lối giáo dục hiếu sinh, hiếu hòa, bao dung, tha thứ và chính sách Quốc phòng ‘ngụ binh ư nông dân’ của đầu đời nhà Lý.

Để ổn định dân tâm, dẹp bỏ ty hiềm gay gắt giữa tam giáo PKL ảnh hưởng đến phong hoá và tinh thần đoàn kết dân tộc, Vua Trần thái Tông nhận thức tam giáo PKL đồng nguyên về một trọng tâm, nhưng dị biệt về phương pháp luận và nghi thức thực hành. Nhà Vua ban chiếu giáo hoá môn đồ của tam giáo PKL rằng :

“Sách Nho thuyết việc thi hành đức Nhân sao cho khắp. Kinh sách của Đạo gia khuyên yêu mọi vật và tôn trọng sự sống. Phật dạy không giết hại chúng sinh. Chưa sáng tỏ chân lý, người ta lầm tưởng ba giáo lý Phật, Không, Lão khác nhau. Khi đã hiểu đến nơi đến chốn rồi, thấy chỉ là cùng đi tới một trọng tâm mà thôi”.

Nguyên văn : “Nho điển thi nhân bố đức. Đạo kinh ái vật hiếu sinh. Phật duy giới sát thị trì. Vị minh nhân, vọng phân tam giáo. Liễu đặc, đề đồng ngộ nhất tâm”.

(Nguyễn đăng Thục, Trần thái Tông, Khuyến phát Bồ đề tâm văn)

Vua Trần thái Tông khuyên tam giáo tôn trọng luật pháp và tín ngưỡng của dân tộc Đại Việt. Đồng thời cho phép tam giáo Phật, Không, Lão tự do, đồng lưu phát triển giáo lý trong hoà bình.

Vua Trần thái Tông lại giáo hoá Vua quan dân chúng Đại Việt rằng :

“Quang cảnh trăm năm chỉ là phút chốc. Thân ảo tứ đại há đặng dài lâu ? Càng ngày càng đăm biển trần, mỗi sớm mỗi vương lưới nghiệp . Chẳng biết nhất tính của viên minh, lại ham vớ vẩn sáu căn , công danh trùm đời là giấc mộng to, giàu sang dễ khuất phục lòng người , đều khó tránh được hai chữ vô thường”.

Nguyên văn : “Bách niên quang cảnh toàn tại sát na, tứ đại ảo thân khởi năng trường cửu ? Mỗi nhật trường lao cốt cốt, chung triệu nghiệp vãng mang mang. Bất tri nhất tính chi viên minh , đồ sinh lục căn chi tham dục. Công danh cái thế , vô phi đại mộng nhất trường. Phú quý kinh nhân nam mãn vô thường nhị tự”.

(Trần thái Tông, Khóa hư lục Thế kỷ XIII)

Sau khi giết Vua Tống, thống trị Trung quốc, chinh phục một số quốc gia ở Đông Âu và thống trị nước Nga, Mông Cổ xưng Quốc hiệu là Nguyên thế Tổ. Trung quốc uy hiếp Đại Việt , đòi Đại Việt thần phục và triều cống.

Đại Việt dùng ngoại giao, khiêm tốn khước từ sau chiến thắng tự vệ lần thứ nhất năm 1257 ở Đông Bộ đầu.

Trần thánh Tông kế vị Trần thái Tông, trong suốt 21 năm trị vì, phải đối phó đầy khó khăn với nhiều yêu sách gây hấn và thái độ ngang ngược, lộng ngôn , hăm dọa chiến tranh của các sứ thần Mông Nguyên Trung quốc.

Trần nhân Tông kế vị Trần thánh Tông.

Năm 1284, Mông Nguyên Trung quốc đem 50 vạn quân xâm lăng Đại Việt lần thứ hai . Năm 1285 Mông Nguyên bại trận.

Năm 1288, Mông Nguyên đem đại quân xâm lăng lần thứ ba, cũng bị quân dân Đại Việt tự vệ thắng lợi.

Thế kỷ XIII , giặc Mông Nguyên Trung quốc ba lần xâm lăng Đại Việt ba lần thất bại

Tổng kết tình hình Đại Việt trong bối cảnh đất nước cuối thế kỷ XII (cuối đời nhà Lý) có những dị biệt giáo lý PKL ngoại nhập lộng hành , gây phân hoá tư tưởng và tinh thần đoàn kết dân tộc. Đồng thời rút kinh nghiệm chiến lược, chiến thuật và chiến pháp kết hợp chính sách ‘ngụ binh ư nông’ của Vua Lý thánh Tông thế kỷ XI và Hội nghị quân sự Bình Than, Hội nghị Diên Hồng , phân quyền lực tự vệ chống xâm lăng cho mỗi làng xã, trang trại , chủ động trở thành những phòng tuyến đặc nhiệm , tự túc binh lương, hoạch định kế sách chống giặc giữ nước.

Kết quả: Đại Việt 3 lần chiến thắng giặc Mông Nguyên là quân giặc có lực lượng quân sự thiện chiến, tàn ác khủng khiếp và hùng mạnh nhất thế giới Đông Tây đương thời.

Vua Trần nhân Tông ứng dụng Phật triết làm căn bản, phát huy tín ngưỡng thờ kính Ông Bà Tổ Tiên theo bản sắc văn hoá tâm linh nhân bản hiếu sinh, hiếu hòa , bao dung tha thứ với truyền thống tinh thần tự chủ bất khuất của dân tộc, thể hiện trong 10 bài Phú **Cư trần lạc đạo**.

Vua Trần nhân Tông nói rằng “bản chất văn hoá tâm linh nhân bản đặc thù của dân tộc Đại Việt ta đã sẵn có đặc tính của Phật Thiền rồi” :

Nguyên văn :

“Gia trung hữu bảo hưu tầm mịch ,

Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiền !

(Trần nhân Tông , ‘Cư trần lạc đạo phú’).

Nghĩa là :

‘Tâm thức của phần lớn dân Việt chúng ta thường (Đối cảnh) vẫn thản nhiên (vô tâm) trước lục căn lục trần, là đỉnh cao của Phật Thiền’.

Vì thế, không tìm kiếm đâu xa . Phật trong tâm ta. (Gia trung hữu bảo hưu tầm mịch). Nhà Vua khuyên dân chúng :

“Cư trần lạc đạo khả tùy duyên,

Cơ tắc xan hề, khôn tắc miên”

(Trần nhân Tông, ‘Cư trần lạc đạo phú’).

Nghĩa là :

“Ở đời tùy duyên phận và hoàn cảnh mà vui sống, như đói thì ăn, mệt thì ngủ. Mình tự chuyển hóa cuộc sống và tâm linh của mình. Đó là đường lối an vui, thanh nhàn trong đạo sống tâm linh dân tộc Việt. Đó chính là mục tiêu vô sanh của Thiền tông trong đạo Phật”.

Thiền Tông Trúc Lâm Yên Tử Đại Việt thế kỷ XIII trở thành tư tưởng tiên phong, chủ đạo giữ nước và tâm linh đặc thù kế thừa Tín ngưỡng thờ kính Quốc Tổ, Ông Bà, Cha Mẹ, Tổ Tiên , Nhân Thần Việt Tộc .

Giáo lý của Thiền tông Trúc Lâm Yên Tử thấm sâu trong tư tưởng dân chúng bình dân Việt qua Ca dao, tục ngữ thế kỷ XIII rằng :

- Ngọn đèn muốn sáng phải khêu bởi mình
- Trăm hay xoay vào lòng
- Tu đâu cho bằng tu nhà,

Thờ Cha kính Mẹ ấy là chân tu.3) Hai Giáo Phái Võ Trang Tự Vệ đầu thế kỷ XX

- Thờ Cha là Phật Thích Ca,

Thờ Mẹ đích thực là Phật Bà Quan Âm.

- Chữ nhẫn là chữ tương vàng,
- Ai mà nhẫn được thì càng sống lâu ..v..v..

Từ thế kỷ XIII đến nay, giáo pháp Thiên Tông Trúc Lâm Yên Tử Đại Việt vẫn được quốc dân Việt bảo tồn, ứng dụng trong cuộc sống, liên tục lưu truyền và trường tồn trong huyết thống Việt tộc.

3) Hai Giáo Phái Võ Trang Tự Vệ đầu thế kỷ XX

Cuối thế kỷ XIX, Việt nam bị thực dân Pháp xâm chiếm. Tín ngưỡng Thờ kính Ông Bà Tổ Tiên, Phật giáo, Khổng học, Lão giáo đều bị kềm chế, chịu nhiều cay đắng do chính quyền thực dân Pháp thống trị.

Riêng Gia Tô giáo được chánh quyền thực dân Pháp tôn trọng, được tự do tạo dựng Thánh đường, Tu viện, mở trường học dạy giáo lý Gia tô khắp nơi trên toàn lãnh thổ Việt nam.

Từ nửa cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX, Chính quyền thực dân Pháp thường xuyên bất ổn vì quốc dân Việt nam kiên trì đấu tranh khôi phục chủ quyền độc lập.

Năm 1862, nhân dân miền đất phương nam tự động khởi nghĩa chống thực dân Pháp liên tục đến 1954.

Từ sau 1884, nhân dân Bắc Bộ và Trung Bộ liên tục võ trang khởi nghĩa chống thực dân Pháp từ Phong trào Cần Vương, Hùng Lĩnh, Ba đình, Hoàng hoa Thám, Thái Nguyên. Nghệ Tĩnh, Đông du, Duy tân Phục quốc, Việt nam Quốc dân Đảng v.v....

Tại miền đất phương nam Việt nam, đầu thế kỷ XX, xuất hiện hai tín ngưỡng bảo tồn tín ngưỡng thờ kính Ông Bà Tổ Tiên, phát huy bản sắc văn hoá tâm linh nhân bản của dân tộc và võ trang tự vệ:

a) Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

Lịch Sử Thành Lập và Giáo Lý

Thập niên đầu thế kỷ XX, Albert Sarraut nhận chức Toàn quyền Pháp ở Đông dương phát động phong trào chính đốn chính quyền thực dân và thay đổi cơ chế thống trị

.Thực dân Pháp tích cực kêu gọi và triệt để thực hành khẩu hiệu Pháp Việt đề huề, hợp tác phát triển.

Albert Sarraut cho phép Đông Kinh Nghĩa Thực hoạt động canh tân học thuật Việt Nam. Tạp chí Nam Phong được phép sử dụng chữ Hán Nôm và chính thống

hoá chữ Quốc ngữ theo mẫu tự La tinh để phát huy văn hoá Việt nam và ngôn ngữ, văn hoá, văn minh Pháp.

Năm 1925, đạo Cao đài được phép thành lập , truyền bá Đạo với danh xưng **Cao Đài Tam kỳ Phổ độ** .

Mục tiêu của **Đạo Cao Đài** là hiệp thông các tôn giáo Đông Tây kim cổ với khẩu hiệu '**Đại đồng Nhân loại**' và '**Vạn giáo đồng nhất lý**' .

Sáng lập viên Đạo Cao Đài gồm các Ông Phạm công Tắc, Nguyễn văn Chiêu, Lê văn Trung và một số viên chức Việt có quốc tịch Pháp.

Giáo lý Đạo Cao đài là Quy nguyên tam giáo (Phật, Khổng Lão) và Hiệp nhất ngũ chi (Thánh, Thần, Tiên, Phật, Chúa)

Trong Thánh thất Tây ninh thờ Đức Chí tôn Cao Đài tượng trưng bằng Thiên nhân (mặt trời) phân thành 3 Đài :

- 1/ Bát quái đài (triết thuyết về Linh hồn)
- 2/ Hiệp thiên đài (triết thuyết về chân thân)
- 3/ Cửu trùng đài (triết thuyết về phần xác)

Ngôn ngữ về Vũ trụ quan và Nhân sinh quan trong giáo lý đạo Cao Đài , phần lớn dùng Kinh Dịch và triết thuyết âm dương với đạo Phật Thích ca Mâu Ni làm căn bản.

Thánh kinh đạo Cao đài được diễn trình trong hai cuốn : **Thánh ngôn hiệp tuyền** (XB năm 1964) và **Đại thừa chơn giáo** do Toà thánh ấn hành.

Tài liệu, sách báo giải thích và truyền bá đạo Cao đài phần lớn bằng Pháp ngữ. Gobron Gabriel được coi là nhà truyền bá giáo lý Đạo Cao đài, tác giả cuốn Histoire et philosophie du Caodaisme ED. Dervy, Paris XB. năm 1948 gọi Đạo Cao Đài là Le Bouddhisme Renové (Đạo Phật cải tân).

Đạo Cao Đài không chống Pháp, cũng không ngưỡng mộ Thực dân Pháp . Thiếu số tín đồ Cao Đài là trí thức tây học. Tổ chức và lý luận Đạo theo khoa học kỹ thuật và thần quyền Âu châu, võ trang tự vệ.

Đa số tín đồ Cao Đài có tư tưởng lập Hiến , Dân quyền, Á Đông của người Á Đông.

b) Phật Giáo Hoà Hảo

Lịch Sử Thành Lập và Giáo Lý

Đầu thế kỷ XX, tuy thực dân Pháp phát động chính đốn cơ chế cai trị và thay đổi chính sách ứng xử, đồng thời ban hành nhiều mưu lược my dân để kêu gọi Việt Pháp đề huề. Nhưng thực dân Pháp thất bại, vì quốc dân Việt cảnh giác cao độ

trước bản chất giả dối, lừa phỉnh , my dân của chế độ thực dân chuyên dùng bạo lực cưỡng chế để thống trị.

Năm 1930 tại Bắc Việt, sinh viên, học sinh, nông dân, trí thức dân tộc, các văn nghệ sĩ , các công thương kỹ nghệ gia và binh sĩ Việt trong hàng ngũ thực dân ..v.v.. nói chung, toàn Quốc dân Việt Nam thành lập một Đảng , tự chủ võ trang khởi nghĩa và tự lực chống thực dân Pháp giành độc lập dân tộc.

Đảng lấy tên giản dị là Việt Nam Quốc Dân Đảng. Thủ lĩnh lãnh đạo Đảng do Quốc dân bầu một cựu sinh viên Trường Cao đẳng ở Hà nội tên là Nguyễn Thái Học .

Ngày toàn thể quốc dân Việt nam chủ động khởi nghĩa chống thực dân Pháp giành độc lập bị một người Việt tay sai Pháp tiết lộ nên không thành công. Thủ lĩnh Nguyễn thái Học và các Đồng chí bị giặc Pháp tàn sát. Hàng triệu Quốc dân Việt bị giặc Pháp tra tấn, sát hại, đầy Côn Đảo.

Hàng triệu dân Việt gồm trí thức, văn nghệ sĩ , giáo sư, học sinh, sinh viên, nông dân bị giặc Pháp khủng bố liên tục nhiều năm , hòng trấn áp tinh thần yêu nước của quốc dân Việt Nam. Nhưng giặc Pháp không toại nguyện.

Cuộc khởi nghĩa của Quốc Dân Đảng Việt Nam năm 1930 không thành công nhưng tinh thần quật khởi quyết thắng thực dân Pháp của Quốc dân Việt Nam năm 1930 trở hành nhân kiệt, dũng cảm, bất khuất làm vẻ vang trang lịch sử dân tộc Việt cận đại , khiến thực dân Pháp phải đầu hàng vào ngày 7 tháng 5 năm 1954 , cam kết rút hết quân viễn chinh về nước giữa năm 1956.

Ba năm sau 1930, tại miền đất phương nam Việt Nam, có một học sinh tiểu học 13 tuổi tên là Huỳnh Phú Sổ, cư ngụ ở vùng biên thùy Miền Việt, con một gia đình trung lưu ở xã Hoà Hảo , tỉnh Châu Đốc, bị một chứng bệnh kỳ lạ, thân hình ngày càng gầy còm ốm yếu, các danh y Âu Á, các phù thủy nổi danh đều chữa trị không dứt bệnh.

Một tu sĩ ở vùng Thất Sơn môn đệ của Phật thầy Tây An (Bửu Sơn Kỳ Hương sáng lập năm 1849) tình cờ gặp Huỳnh Phú Sổ, thấy tướng mạo và bệnh tình kỳ lạ bèn đem Phú Sổ về núi, dùng dược thảo của dãy bảy núi điều trị khỏi bệnh và truyền dạy Y thuật và Phật pháp.

Năm 1939, Huỳnh Phú Sổ 19 tuổi xuống núi chữa khỏi rất nhiều chứng bệnh nan y bằng dược thảo của địa phương cho dân chúng các tỉnh miền tây Nam Bộ. Dân chúng sáu tỉnh Nam Bộ ngưỡng mộ tôn xưng Huỳnh Phú Sổ là Đức Thầy.

Đức thầy Huỳnh Phú Sổ vừa chữa bệnh vừa thuyết giảng Phật pháp, vừa tiên tri nhiều vấn đề thời sự, khuyên dân chúng tôn kính và bảo tồn tín ngưỡng và phong hoá dân tộc, bỏ ác, làm lành, kêu gọi thanh niên và đồng bào thực hiện Tứ Ân :

1. Ân Quốc Tổ, Ông Bà, Cha Mẹ, Tổ Tiên (thờ kính, phụng dưỡng)

2. Ân Đất Nước (không làm tay sai ngoại bang, phản quốc)

3. Ân Đồng Bào , Nhân Loại (bảo vệ hoà bình thế giới)

4. Ân Tam Bảo (Theo tinh thần Lục Tổ Huệ Năng và tùy duyên lạc đạo. Lục Tổ Huệ Năng là người dân quê miền Ngũ Lĩnh , đất phương nam thuộc nòi giống Bách Việt).

Từ năm 1939 đến 1945, Đức thầy Huỳnh phú Sổ thu nạp được 3 triệu tín đồ ngưỡng mộ lời sấm giảng .

Địa phương Hoà Hảo được coi là thánh địa . Phật giáo Hoà Hảo phát triển gần 7 triệu tín đồ sống trong nước và một số ở hải ngoại sau 30 tháng 4 năm 1975

Những sấm giảng giáo hoá tín đồ Phật Giáo Hoà Hảo

Giáo lý Phật giáo Hoà Hảo được thuyết giảng bằng tiếng Việt, ấn hành kinh sách bằng chữ Quốc ngữ Việt và đặc biệt theo phương pháp ngôn ngữ truyền khẩu, phổ thông giáo lý, lưu truyền trường tồn trong đại chúng Việt.

Đức thầy Huỳnh Phú Sổ dùng thi văn để khuyên răn bảo tồn phong hóa dân tộc, dùng lời sấm tiên tri để bảo tồn tín ngưỡng Thờ Kính Ông Bà Tổ Tiên và bản sắc văn hoá tâm linh nhân bản cổ truyền; dùng ngôn ngữ bình dân để thuyết giảng giáo lý Phật pháp Thích Ca cho đại chúng dễ hiểu, dễ nhớ.

Những lời thuyết giảng của Đức thầy Huỳnh phú Sổ cho hàng triệu tín đồ nghe và thực hành gồm có :

- 846 câu Giác mê tâm kệ
- 612 câu Sấm giảng
- 476 câu kệ người khùng
- 912 câu khuyên người đời tu niệm
- 756 câu khuyên thiện

Và rất nhiều thi văn, xướng họa, rất nhiều buổi thuyết pháp thao thao bất tuyệt liên tục từ năm 1939 dưới chế độ Bảo hộ của thực dân Pháp đến ngày 16 tháng 4 năm 1947, nhằm ngày 25 tháng 2 năm Đinh Hợi, toàn dân, toàn quốc kháng Pháp, Đức thầy Huỳnh Phú Sổ khuyên đoàn kết dân tộc , chấm dứt nội tranh, bị tay sai ngoại bang ám hại, biệt tích , gây nghi án quan trọng trong lịch sử văn hoá tâm linh nhân bản dân tộc Việt nam cận đại.

Sau đây là trích dẫn đôi lời thuyết giảng của Đức thầy Huỳnh Phú Sổ từ năm 1939 đến năm 1947

Sấm giảng bảo tồn Tín Ngưỡng, phong hoá tâm linh dân tộc

“Góc thuở trước của Tông của Tổ,

Đâu có bày trò dối mị quốc dân !

Làm dân chớ nên phụ bạc giống nòi,

Người xưa tuy ít chữ, nôm na

Nhưng chơn chất, người ta ngay thẳng.

Những gái mới ra đường tha thướt,

Bỏ hết trơn nề nếp ông cha

Khác tính tình người cổ nước ta

Nên phải chịu đòn đau đủ cách.

Trai với gái ráng coi sử sách,

Đáng anh hào với kẻ tiết trinh

Dọn bề trong mới gọi đẹp xinh,

Chớ mang lối bề ngoài chẳng tốt

.

Nhẫn phụ mẫu gọi trang hiền sĩ

Chữ xướng tùy chồng vợ nhịn nhau.

Nhịn xóm chòm, cô bác mới cao

Nhịn tất cả những người tuổi tác.

Tánh hiền lành yên tĩnh dài lâu,

Trong Bốn Đạo cùng là Sư Vãi

Ráng bền lòng cho được hiền từ.

Vì đời nay chúng nó dùng tiền

Ít ai dụng chữ Nhân, chữ Nghĩa

Thuận với hoà hay ghét với rầy,

Cũng cái lưỡi làm thầy các việc.

Đời văn vật khôn ma, khôn quỷ

Lo trang sức kim thời huê mỹ

Rồi phụ phàng phong hoá nước nhà
Trong tâm thì chứa chữ gian tà
Chớ chẳng chứa tám lòng bác ái.
Tùy thiện tín hiệu Ta giả thiết
Làm hay không chẳng dám ép nài
Nguyện mười phương chư Phật đáo lai,
Đồng tiếp dẫn chúng sinh giải thoát.

Sấm giảng phát huy tinh thần tự chủ bất khuất của dân tộc

Thiệt chẳng hổ giống dòng Nam Việt,
Tùng nêu cao khí tiết Lạc Hồng.
Nước Việt ta ở ven bờ Biển Đông
Năm xưa thường anh dũng chống xâm lăng
Bạch đằng giang chiến thắng giặc ấy, ai bằng ?
Quân Việt đánh tan Mông Nguyên mạnh.
Nay giặc Pháp buông lòng kiêu hãnh
Chúng ý vào tàu chiến, phi cơ
Nơi xa trường gặp cảnh bất ngờ
Sức kháng chiến ngàn xưa nay sống dậy.
Chỉ quân Tây thề một quyết rằng,
Thà cam chết không làm dân bị trị.

Sấm giảng canh tân Phật pháp theo nếp sống dân Việt

Nhìn Phật giáo mà tìm cái lý,
Coi tại sao ta phải tu hành ?
Đức Lục Tổ (Huệ Năng) nào ai dám sánh
Người dốt mà nói pháp quá rành
Lựa làm chi cao chữ học hành,

Biết tỏ ngộ ấy là gặp Đạo
Theo Thần Tú tạo nhiều chuông mõ,
Từ xưa nay có mấy ai thành.
Phật từ bi độ tử, độ sanh
Là độ kẻ hiền lương nhân ái.
Các nhà Sư hãy ráng sửa mình,
Bởi chữ tu liền với chữ hành.
Hành bất chính người đời mới nói
Bị Tăng chúng quá ham Chùa ngôi
Nên lời khuyên khắp chôn cùng làng
Phật nào ham tượng cốt phết vàng,
Mà Tăng tạo hao tiền bá tánh.
Trong lục tỉnh nhiều điều tà mị
Tu hành mà vị kỷ quá chừng.
Thì làm sao thoát khỏi trầm luân
Khuyên Bôn Đạo ráng tìm nẻo chánh.

(Lược trích trong 846 câu Giác mê tâm kệ và Sấm giảng)

Ngày 23 tháng 9 năm 1945, Học sinh, sinh viên trí thức dân tộc, văn nghệ sĩ, công thương kỹ nghệ gia và nông dân Saigon, Gia định và vùng lân cận nội thành tự vũ trang chống thực dân Pháp mưu toan xâm lăng Việt nam lần thứ hai.

Quân Pháp núp sau lưng quân đội Hoàng gia Anh giải giới hàng binh

Nhật ngang nhiên bắn giết dân Việt và chiếm đóng trái phép nhiều cơ sở Kinh tế, Tài chánh, Viễn thông , Giáo dục v.v... của Việt Nam.

Bị dân Nam Bộ vũ trang đối kháng, thực dân Pháp thiệt hại nặng nề , bị vây hãm trong thành phố tối tăm, đói khát và bệnh tật. Saigon, Gia định triền miên bị cắt điện, cắt nước, không có lương thực tươi, sống từ ngoại thành cung cấp.

Trước tinh thần chiến đấu dũng cảm bất khuất của nhân dân Nam Bộ. Thực dân Pháp tự thấy không thể dùng vũ lực uy hiếp dân tộc Việt nam.

Chúng thay đổi chiến thuật, dùng ngoại giao và sách lược chia để trị, gây nội tranh chính trị huyết nhục tương tàn trong nhân dân Việt để chúng dễ dàng xâm lăng Việt nam lần thứ hai.

Sách lược chia đả trị và chiến thuật gây nội tranh chính trị trong quốc dân Việt nam của thực dân Pháp gồm hai Hiệp ước căn bản :

Ngày 6 tháng 3 năm 1946 thực dân Pháp dùng mưu lược chính trị, với lời hứa mở hồ về ngoại giao , ký được tạm ước đình chiến ở Nam Bộ , và được tự do đóng quân viễn chinh ở nam vĩ tuyến 16 Việt nam .

Ngày 14 tháng 9 năm 1946, tại Fontainebleau, thực dân Pháp, trên thế mạnh tuyệt đối, cưỡng chế ký được Hiệp ước lưỡng tương quyền lợi, Pháp được đặt quân viễn chinh ở Hà nội, Hải phòng và một số tỉnh ở Bắc vĩ tuyến 16.

Nhân dân yêu nước miền đất phương nam Việt nam kết án sự ký kết hai Hiệp ước nói trên là hành động phản quốc, hại dân, mắc mưu thâm ác của thực dân Pháp, khiến nội tranh chính trị, hậu quả sẽ xảy ra thảm cảnh cốt nhục tương tàn trong quốc dân Việt .

Ngày 21 tháng 9 năm 1946, Đức Thày Huỳnh Phú Sổ tuyên ngôn thành lập Đảng Việt Nam Dân Chủ Xã hội

Trong **Tuyên ngôn** có đoạn nói rằng :

“Việt Nam Dân Chủ Xã hội không chấp nhận giai cấp đấu tranh giữa dân tộc Việt nam, vì lẽ ở xã hội Việt nam hiện thời, trên 80 năm bị trị, chỉ có một giai cấp bị ‘ Tư bản thực dân ’ bóc lột.

Muốn tránh khỏi giai cấp đấu tranh về sau thì sự cấu tạo ‘ xã hội Việt Nam mới ’ phải căn cứ nơi những yếu tố không cho sanh trưởng giai cấp bóc lột (mới), chỉ trợ trưởng một giai cấp một, tức là giai cấp sinh sản. (Tài liệu của Ban Chỉ huy Liên tỉnh DXMT Nam Việt năm 1947)

Quân dân miền nam Việt Nam cùng **Đảng Việt Nam Dân Chủ Xã hội** (VNDCXH) của Phật giáo Hoà Hảo tự võ trang kháng Pháp từ ngày 23 tháng 9 năm 1945 liên tục đến ngày 7 tháng 5 năm 1954 , quân viễn chinh Pháp đầu hàng , cam kết rời khỏi Việt Nam giữa năm 1956.

Năm 1957 – 1958 , **Đảng và Quân đội Việt nam Dân chủ Xã Hội** ở miền đất phương Nam bị giải thể . năm 1957 – 1958

Sau 30 tháng 4 năm 1975, tín đồ Phật giáo Hoà Hảo bị đàn áp nhất là vào ngày 25 tháng hai âm lịch hằng năm.

PHẦN THỨ HAI

Một Góc Nhìn Bản Sắc Văn Hóa Dân Tộc

Căn cứ một góc nhìn lịch sử dân tộc trong gần 5.000 năm , có thể tóm kết văn minh Tín ngưỡng Cổ đại Việt qua 4 trong rất nhiều nhân tố cơ bản sanh khởi thành bản chất dân tộc và bản sắc văn hóa tâm linh nhân bản Việt tộc .

Bốn nhân tố sanh khởi ấy gồm có :

- 1/ Bản sắc văn hóa tâm linh nhân bản, hiếu sinh, hiếu hòa, khoan dung, tha thứ , tương ái , của dân tộc
- 2/ Động lực tạo thành sức mạnh đoàn kết dân tộc dựng nước, giữ nước trường tồn
- 3/ Ngôn ngữ của tín ngưỡng thờ kính Tổ Tiên và Nhân Thần trong 54 sắc tộc Việt Nam
- 4/ Tác động đến tinh thần truyền thống tự chủ, tự vệ chánh nghĩa , bất khuất ngoại cường.

1 – Bản sắc văn hoá nhân bản , hiếu sinh, hiếu hòa, khoan dung, tha thứ, tương ái của dân tộc

Bản sắc văn hoá nhân bản hiếu sinh hiếu hòa , khoan dung tha thứ, tương ái của dân tộc Việt phát khởi từ thời cổ đại . Tuy có nhiều nguyên nhân, nhưng phần lớn do xuất phát từ chiến thắng thiên tai, thú rừng , côn trùng, tai họa do giặc ngoại xâm gây ra.

Dân tộc Việt đã khắc phục mọi gian lao thách đố gay go để vượt qua và dung hóa được các nền văn hóa ngoại nhập trong tương ái, hòa bình.

Một ví dụ biểu trưng trong lịch sử hơn năm ngàn năm về trước, Việt tộc chỉ là một tiểu quốc trong cơ cấu Bách Việt sinh sống ở phía nam sông Dương tử. Lúc bấy giờ Hán tộc chỉ là một Bộ tộc sinh sống miền Hoa bắc, vùng Vị thủy, Sơn đông.

Năm 214 tr. TL , Tần thủy Hoàng đem 50 vạn quân và hàng ngàn tướng lãnh thiện chiến do gồm thâu lục quốc sang xâm lăng Âu Lạc (tên quốc gia Việt thời xưa). Lúc ấy dân số Việt tộc chỉ có một triệu người.

Dân chúng Việt tự động rút lui vào núi cao rừng sâu, thực hiện vườn không nhà trống’ , áp dụng chiến tranh du kích, lấy thuyền làm xe, lấy chèo làm ngựa, đến như gió thoảng, đi khó đuổi theo. Dân Việt chế tạo ra hai loại chiến thuyền Đinh và Tu Lư , dùng thủy chiến và đầm lầy, dàn binh mai phục , phá hủy lương thực, tiêu hao dần mòn Kỵ binh và Bộ binh của quân Tần .

Lưu An, Sử gia Trung quốc viết trong sách Hoài nam tử Q. 18 Thiên ‘nhân gian huân’ rằng:

“Quân Tần bị sát hại, máu chảy, thây chết có tới trăm ngàn”.

Tần thủy Hoàng phải xin đình chiến, cam kết rút hết quân về nước.

Ba năm chiến đấu gian khổ , khi chiến thắng giặc Tần tàn ác, dã man xâm lăng, nhưng dân Việt hiền lương, hiếu sinh, hiếu hoà, khoan dung tha thứ , trên thế mạnh , vẫn chấp nhận đề nghị đình chiến, giảng hòa, tha chết cho tù binh và bại binh Tần được an toàn rút lui về nước.

Từ đầu thế kỷ TL. tam giáo Phật, Khổng Lão (PKL) ngoại bang du nhập , tuy nghi thức thực hành khác nhau, nhưng đều có chung mục đích là truyền bá giáo pháp, gây ảnh hưởng tinh thần trong phong hóa và tư tưởng dân tộc Việt. .Bản chất dân Việt hiền lương, khoan dung, tha thứ, tương ái nên dễ chấp nhận cho cả ba giáo phái PKL được tự do truyền bá giáo pháp và lưu hành bình đẳng trong hòa bình.

Sức mạnh tâm linh của huyền thoại Tiên Rồng và Tín ngưỡng Thờ kính Quốc Tổ, thờ kính Tổ Tiên, Ông Bà, Cha Mẹ, tôn kính Nhân Thần của dân tộc Việt đã dung hóa và Việt hóa các giáo pháp PKL trong hoà bình suốt hai ngàn năm qua cho đến nay.

2- Động lực tạo thành sức mạnh đoàn kết dân tộc dựng nước và giữ nước trường tồn.

Huyền thoại Tiên Rồng và Tín ngưỡng thờ kính Quốc Tổ, thờ kính Tổ Tiên, Ông Bà, Cha Mẹ, tôn kính Nhân Thần qua các hàng chục ngàn lễ hội, đình đám, cúng tế hàng năm tại các Đình, Đền , Miếu, Phủ, Từ Đường oai linh, hùng vĩ của hàng chục ngàn Liên Xã, Thôn, Buôn, Sóc trong 54 sắc tộc Việt nam toàn quốc , liên tục gần 5.000 năm qua vẫn trường tồn lưu truyền đến hiện nay.

Đó là động cơ căn bản tạo thành sức mạnh đoàn kết dân tộc dựng nước hùng mạnh , giữ nước bền vững với tinh thần tự chủ, tự cường, tự vệ chính nghĩa, bất khuất ngoại cường, thấm sâu vào huyết thống dân tộc, trở thành truyền thống yêu nước và sức mạnh ngoại kháng oanh liệt quyết định thắng lợi cuối cùng.

3 – Ngôn ngữ của Tín ngưỡng thờ kính Tổ Tiên và Nhân Thần của 54 sắc tộc Việt Nam

Ngôn ngữ của Tín ngưỡng thờ kính Quốc Tổ, thờ kính Tổ Tiên, Ông Bà, Cha Mẹ, tôn kính Nhân Thần thể hiện nơi bản sắc văn hoá tâm linh tâm thức, trí lực của dân tộc , qua hàng trăm ngàn thể loại dân ca, vũ nhạc, nhạc cụ, võ thuật công nghệ, điêu khắc, kiến trúc, nghệ thuật, học thuật, hội họa, màu sắc y phục, nghi thức lễ phục, trò chơi dân gian, phong tục, tập quán và hàng trăm ngàn thể điệu

ca dao, tục ngữ, thành ngữ, phương ngữ ...vvv... của 54 sắc tộc Việt tự chế biến, sáng tác, chế tạo từ năm ngàn năm đến nay.

4 – Tác động của Tín ngưỡng thờ kính Quốc Tổ, thờ kính Tổ Tiên, Ông Bà, Cha Mẹ, tôn kính Nhân Thần trong truyền thống tinh thần tự chủ, tự cường, tự vệ chánh nghĩa, bất khuất ngoại cường.

Bản sắc văn hóa tâm linh trong Tín ngưỡng thờ kính Quốc Tổ, thờ kính Tổ Tiên, Ông Bà, Cha Mẹ, tôn kính Nhân Thần còn tác động đến tinh thần đoàn kết toàn dân giữ nước.

Khi quốc gia nguy biến. Huyền thoại Tiên Rồng và Tín ngưỡng thờ kính Tổ Tiên có hiệu lực tương dung, tương nhượng, hóa giải nội tranh, sáng tạo chiến thuật phòng ngự kiên cố về quốc phòng, noi gương Tiên Nhân, dùng mưu lược nhu thắng cương, khiêm tốn, nhún nhường về ngoại giao, tạo tương quan thế lực đoàn kết dân tộc, đoàn kết lân bang, tạo thời cơ lấy Đại Nghĩa thắng hung tàn, đem Chí Nhân thay cường bạo.

Đoàn kết dân tộc, dùng mưu lược yếu thắng mạnh, trở thành vũ khí chiến lược linh hoạt có hỏa lực công phá mãnh liệt vô song theo sự tân tiến hoá kỹ thuật đương đại để tự vệ giữ nước quyết định chiến thắng.

PHẦN THỨ BA

Sở hữu tâm linh, bản năng tư hữu : gia đình, tổ quốc, tín ngưỡng qua phong tục tập quán, dân ca, giỗ chạp, hội hè, đình đám, trò chơi dân gian...vvv... của 54 sắc tộc

1 – Sở Hữu Tâm Linh

Người dân Việt có thói quen thường chiêm nghiệm, tiên đoán, tiên tri, dự phòng các sự việc liên quan đến cuộc sống, lễ sống, đời sống cả về tinh thần lẫn vật chất, kể cả thiên nhiên và nhân sinh vạn vật hữu tình và vô tri, xét nghiệm nhân tình, thế thái, hiện tại và tương lai ...vvv...

Tóm lại, đó là biểu trưng của sở hữu tâm linh dân tộc Việt qua ca dao, tục ngữ bình dân Việt Sau đây là một vài ví dụ :

Chiêm nghiệm về thiên nhiên

- Chớp đông nhay nháy, gà gáy thì mưa.
- Muốn ăn mùa tháng 5, xem trăng rằm tháng 8.
- Con mưa đằng Đông vừa trông vừa chạy,
- Con mưa đằng Tây đổ cây, đổ cối,

- Con mưa đàng Nam vừa làm vừa chơi,
- Con mưa đàng Bắc lác rắc vài hột.
- Mây kéo xuống biển thì nắng chang chang,
- Mây kéo lên rừng thì mưa như trút.
- Gió bắc hiu hiu, sêu kêu thì rét.
- Tháng bảy heo may, chuồn chuồn bay thì bão ...vvv...

Tiên đoán về nhân tình, thế thái

- Dò sông dò biển dễ dò,
Nào ai lấy thước mà đo lòng người.
- Làm sao thày bói soi gương,
Thày tu chải tóc, cá mương hóa rồng.
- Mai mưa, trưa nắng, chiều giông,
Trời còn thay đổi hướng lòng người ta.
- Thuốc Nam đánh giặc. thuốc Bắc lấy tiền.
- Giàu sang lắm kẻ tới nhà,
Khó khăn nên nổi ruột rà xa nhau.
- Khi chưa thì lụy trăm đường,
Được rồi thì lại phủ phàng làm ngơ.
- Dân sao một hẹn thì nên,
Quan sao chín hẹn mà quên cả mười.
- Trách ai đặng cá quên Nom,
Đặng chim bỏ ná, quên ơn vội thù ...vvv...

2- Bản Năng Tư Hữu

Gia đình là nền tảng của xã hội. Mỗi gia đình có một phong cách sống đặc thù hoặc ham danh lợi, hoặc thích sống tự do ngoài vòng kèm tỏa quyền lực , hoặc mưu cầu một cuộc sống giàu sang bất chấp tham, sân, si, vọng tưởng...vvv... Đó là đặc trưng của bản năng tư hữu biệt nghiệp, cá thể trong cộng đồng, cộng nghiệp xã hội...

Mỗi người đều sẵn có tự thiên nhiên tánh, tự mình coi trọng quê hương, sinh quán mình, đất nước mình. Đó là bản năng nhân tính đặc thù của loài người nói riêng và của các sinh động vật nói chung.

Người là sinh vật cao nhất trong muôn vạn loài sinh vật . Vì Người có trí tuệ , ngôn ngữ và đạo đức. Đó là biểu trưng của tín ngưỡng và huyền thoại trong kiếp sống Người và là nguồn gốc của lễ hội, đình đám, ca vũ , phong tục , tập quán ...vvv... của các sắc tộc, nói chung trong loài người.

Nửa cuối thế kỷ XIX, Thực dân Pháp xâm lăng và thống trị Việt Nam.

Chủ trương chính sách của thực dân là dùng vũ lực và hình luật cưỡng chế, cướp đoạt , độc quyền toàn bộ tư hữu tài sản, lãnh thổ, chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội...vvv...của dân tộc Việt nam.

Rõ ràng nhất là từ năm 1862 đến tháng 3 năm 1945, thực dân Pháp đã ra sức chiếm hữu sức lao động nông dân Việt, bóc lột kinh tế tài sản của dân Việt, độc quyền khai thác khoáng sản, nông lâm ,thủy, hải sản , chiếm đoạt toàn bộ tài nguyên thiên nhiên của rừng, núi , sông, biển, đất đai quốc gia Việt làm giàu cho Pháp quốc .

Dân tộc Việt tự động vũ trang nổi dậy đánh đuổi thực dân Pháp liên tục từ năm 1862 – 1884 – 1930 – 1945- đến năm 1954 mới khôi phục sở hữu chủ quyền quốc gia, phục hưng quyền tư hữu lãnh thổ và tài nguyên thiên nhiên của dân tộc.

Thực dân Pháp đầu hàng, cam kết rút hết quân về nước giữa năm 1956.....Nhưng đột biến bất ngờ, ngay sau 30 tháng 4 năm 1975, một thế lực phương Tây khác , áp dụng chính sách cướp đoạt kinh tế và thống trị nông dân Việt của thực dân Pháp, tinh vi và khắc nghiệt hơn thực dân Pháp, khống chế chủ quyền dân tộc Việt Nam.

3 – phong tục tập quán, ca dao, tục ngữ

Từ nửa cuối thế kỷ XX, Việt Nam do các Đảng Cộng sản , Đảng Lao Động, Đảng Tân Dân Chủ (Dân chủ Nhân dân chuyên chính), Đảng Xã hội, Đảng Cần Lao Nhân vị, Đảng Cách Mạng Quốc gia, Mặt trận Tổ quốc , Mặt Trận Dân tộc ‘giải phóng dân tộc miền Nam Việt nam’ ...vvv...cầm quyền dưới sự bí mật lèo lái của Quốc tế Vô sản do Liên xô và Trung cộng cầm đầu theo học thuyết kinh tế chính trị Mác Lênin một bên và bên kia quân lực Hoa kỳ chống Quốc tế Vô sản viện trợ kinh tế , quân sựcho Miền Nam Việt Nam

Ngày 30 tháng 4 năm 1975, Hoa Kỳ rút quân khỏi Việt Nam theo chiến lược toàn cầu mới đối với Âu châu và Á châu. Chỉ còn lại Liên xô, Trung Cộng và Đảng Cộng sản theo học thuyết Mác Lênin thay thế chủ nghĩa thực dân được Pháp tuyên truyền là “khai phá văn minh , dân chủ, công bình bác ái” vào cuối thế kỷ XIX ở Việt nam.

95% dân số Việt nam toàn quốc là Nông dân chất phác, hiền lương hiểu giản dị học thuyết Mác Lênin là Ba không : không Gia đình, không Tôn giáo, không Tổ quốc.

Tháng 8 năm 1991, học thuyết Mác Lênin bị nhân dân Liên xô , Đông Âu, Tây Âu loại bỏ. Hải quân hạch nhân của Liên xô chiếm đóng Hải cảng Cam Ranh của Việt nam từ năm 1958 tự giải ngũ.

Thập niên thứ hai, đầu thế kỷ XXI, Tín ngưỡng thờ kính Quốc Tổ

Hùng Vương, thờ kính Ông Bà Tổ Tiên và nông dân cùng trí thức dân tộc Bắc Trung Nam liên tục tự chủ, tự phát đấu tranh bất bạo động, bất khuất bạo quyền đã thức tỉnh và cảm hoá được thành phần trẻ có học thức, có tinh thần quốc gia dân tộc, có óc cầu tiến, có suy tư về Dân quyền , Dân chủ, lo lắng về sự sụp đổ cơ chế quyền lực tự phong, chuyên xảo trá, lừa phỉnh và cưỡng từ đoạt lý...vvv...

Nhìn chung , nông dân và trí thức dân tộc toàn quốc và Việt kiều ở hải ngoại đã kiên trì và liên tục đấu tranh đòi cơ chế chính trị quyền lực không minh bạch đối với nông dân toàn quốc phải thay đổi cách ứng xử đối với trí thức dân tộc và nông dân , nhất là nông dân lao động sản xuất nông nghiệp và thủy sản miền đất phương nam Việt nam sau 30 tháng 4 năm 1975.

Nông dân các tỉnh đồng bằng Sông Cửu Long miền đất phương nam Việt Nam là nguồn sản xuất lúa gạo nuôi sống dân tộc , làm giàu đất nước . bị quyền lực tự phong phi sản xuất bóc lột bằng thuế khóa, ép giá mua rẻ mạt hoa màu, không trả tiền hoặc trả tiền chậm trễ, không sòng phẳng, độc quyền cung cấp giá cao hàng giả ...vvv...gây cho nông dân miền nam đói nghèo nợ lãi ngân hàng, nợ nóng đảng viên chồng chất, cảnh bán vợ đợ con xảy ra sau 30 tháng 4 năm 1975 đến nay thật thê thảm ở nông thôn miền đất phương Nam Việt nam .

.Với kiến thức khoa học kỹ thuật hiện đại, tâm linh nhân bản và tinh thần truyền thống tự chủ bất khuất bạo quyền, không sợ tù đầy gian khổ, nhờ thế , trí thức trẻ trong nước tự diễn biến bước đầu , chuyển hóa được ba không Mác Lênin thành 3 đức tin phục hưng và tôn kính Gia đình Tổ quốc Tín ngưỡng, bác bỏ tam vô :

1/ Phục hưng Gia đình là thành phần cá biệt trong xã hội , là nền tảng của Cộng đồng Quốc gia dân tộc.

2/Phục hưng Tín ngưỡng thờ kính Quốc Tổ Hùng Vương, thờ kính Ông Bà Tổ Tiên và các Nhân Thần Phù Đổng Thiên Vương, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi, Hoàng Đế Quang Trung ...vvv... là sức mạnh linh thiêng tổng hợp tạo chiến thắng cường lân phương Bắc .

Tín ngưỡng thờ kính Tổ Tiên và truyền thuyết Tiên Rồng Việt nam, có khả năng đoàn kết toàn dân, trấn áp mọi uy hiếp quân sự, hăm dọa chiến tranh , chiến thắng ngoại xâm , bảo vệ an ninh Tổ quốc, thu hồi toàn vẹn lãnh thổ và hải đảo.

3/ Tôn vinh lá cờ ngũ sắc cổ đại Việt tộc là đặc trưng của Tổ quốc Việt Nam..

4 – Những tiên tri thời sự qua Ca dao, Tục ngữ.

Nhận thức theo tâm linh nhân bản và tinh thần tự chủ bất khuất cổ truyền của dân tộc qua Ca dao , Tục ngữ bình dân Việt, đã ứng dụng hiệu quả , có kinh nghiệm thiết thực, tiên tri về những loại mưu lược gian xảo của mọi thứ quyền lực dựa thế lực kinh tế, chính trị, quân sự ngoại bang tự phong thống trị bằng bạo lực, hình luật ...vvv... đều có hậu quả tương tự :

– Giả quá hóa thật (Lộng giả thành chân)

– Một nhà hai chủ không hòa,

Hai Vua một nước ắt là không yên.

– Sinh không trở lại hoàn không,

Khó ta, ta chịu, đừng mong giàu người.

– Tranh quyền cướp nước chi đây,

Coi nhau như bát nước đầy là hơn.

– Ong làm mật mà không được ăn,

Yên làm tổ mà không được ở.

– Khôn ngoan đá đáp người ngoài,

Gà cùng một mẹ chờ hoài đá nhau.

– Ham chi tấm áo của người,

Họ cho ta mặc lại đòi lại ngay.

– Ăn sung ngồi gốc cây sung,

Lấy anh thì lấy nằm chung không nằm.

– Nước giữa dòng chê trong, chê đục,

Vũng nước trâu dầm, hì hục khen ngon.

– Ai mà phụ nghĩa quên công

Thì đeo trăm cánh hoa Hồng chẳng thơm.

– Long đong nay ngược mai xuôi,

Đỉnh chung là cạm trên đời hay chi.

– Khôn tính dài, dại tính ngắn,

Khôn tính vạn đại, đại tính nhất thời.

– Trăm năm bia đá thì mòn,

Ngàn năm bia miệng vẫn còn trơ trơ

– Lưỡi người sắc bén như dao,

Bụng sâu như biển, chí cao như trời.

– Những người hữu thủy vô chung

Là người tẻ bạc tin dùng mà chi.

– Thương người người lại thương ta

Ghét người mình lại hóa ra ghét mình

– Bần thanh hơn phú trọc

– Cửa làm hư nết

– Cơm người khổ lắm Mẹ ơi,

Chẳng như cơm Mẹ vừa ngồi, vừa ăn.

– Bao giờ dân nổi can qua,

Con Vua thất thế lại ra quét Chùa.

– Quan nhất thời, dân vạn đại.

– Nực cười châu chấu đá xe,

Tưởng rằng chấu ngã ai dè xe nghiêng.

– Thà làm quỷ nước Nam,

hơn làm vương đất Bắc (Lời Tướng Trần Bình Trọng)

– Có lòng trắc ẩn mới ra con người (Lời Cự Phan Bội Châu)

– Chính sách Kinh tế, chính trị, khoa học phục vụ con người

Không phải con người phục vụ kinh tế chính trị (Dân Oan)

– Con người có Tổ có Tông,

Như cây có cội như sông có nguồn ...vvv...

PHẦN THỨ TƯ

Miền đất phương nam Việt Nam trong lịch sử dân tộc. đặc biệt 300 năm từ cuối thế kỷ XVIII liên tục đến đầu thế kỷ XXI , tự vệ, quyết thắng ngoại xâm

I – Miền đất phương nam trong lịch sử dân tộc

Đầu thế kỷ XIV, Thượng Hoàng Trần nhân Tông, pháp danh Trúc Lâm Đại đầu Đà , tu hành ở Yên tử sơn , lập Chùa ở khu rừng Trúc.

Một Thiền sư người Thiên trúc tu hành ở Chiêm quốc nghe danh đã cung thỉnh Trúc Lâm Đại đầu Đà, sang nước Chiêm đàm đạo và thuyết pháp . Vua Chiêm nghe thuyết giảng Phật pháp rất ngưỡng mộ giảng sư. Khi biết Đại đầu Đà là Thượng Hoàng Trần nhân Tông, Chiêm vương vừa nể trọng, vừa lo sợ.

Thượng Hoàng Trần nhân Tông khuyên hai nước nên sống hoà bình tránh chiến tranh, dân chúng hai nước đều được an cư lạc nghiệp.

Thượng Hoàng hứa gả Huyền Trân Công chúa cho Vua Chiêm Chế Mân. Chiêm Vương vui mừng dâng hai châu Ô, Lý (Quảng Bình, Quảng trị) làm sính lễ.

Thế kỷ XV, hậu duệ Chế Mân cường thịnh, gây chiến tranh Chiêm Việt suốt thế kỷ (XV – XVI), đòi lại hai châu Ô Lý. nhưng bại trận .

Thế kỷ XVII, Chiêm quốc tranh giành ngôi báu, trong nước nội loạn , bị Xiêm La chinh phục. Chiêm Vương nhờ Chúa Nguyễn đẩy lui được quân Xiêm . Nhưng nước Chiêm không tự chấm dứt được nội chiến.

Dân Chiêm cực khổ về cảnh các Vương tôn nước Chiêm tranh giành quyền lực, cát cứ xưng vương. Các Vương gia Chiêm quốc, kẻ thì dâng đất mượn binh Chúa Nguyễn để vừa chống quân Xiêm , vừa chống nội tranh, kẻ thì đem quân quấy phá biên giới Đại Việt để đòi đất, tạo lý do cho Chúa Nguyễn và nhân dân Thanh, Nghệ mở rộng miền đất phương nam , giữ an ninh cho dân chúng Đại Việt.

Chúa Nguyễn quê đất Thanh Hóa, bắc Trung Bộ, hậu duệ của Nguyễn Kim cự thân nhà hậu Lê trung hưng thế kỷ XV cùng nông dân Thanh Hóa, Nghệ An vào miền Nam khai hoang lập ấp mở mang miền đất phương Nam từ Quảng Bình vào đến Mũi Cà Mau ngày nay.

2 – Từ cuối thế kỷ XVIII đến cuối thế kỷ XX Nông dân miền đất phương Nam đã tự động khởi nghĩa chiến thắng giặc xâm lăng phương Bắc lẫn phương Tây, giải phóng Thăng Long năm 1789 và năm 1954.

Nam Úc ngày 2 tháng 5 năm 2012

(22 tháng 4 năm Nhâm thìn)

Nguyễn Hợp Minh

Nguồn: <https://minhtrietviet.net/nguyen-hop-minh/>

www.vietnamvanhien.org

